CÔNG KHAI, MINH BẠCH VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM

TRANSPARENCY, OPENNESS, AND ACCOUNTABILITY IN STATE ADMINISTRATIVE AGENCIES IN VIETNAM

NGUYỄN THỊ NGỌC LINH (*)

Tóm tắt: *Công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình là những nguyên tắc nền tảng của quản trị nhà nước hiện đại. Bài viết phân tích khái niệm, nội hàm của các nguyên tắc này, đánh giá thực trạng triển khai thực hiện trong hệ thống hành chính nhà nước Việt Nam, chỉ ra những hạn chế, nguyên nhân của hạn chế và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong thời gian tới.*

Từ khóa: *Cơ quan hành chính nhà nước; công khai, minh bạch; trách nhiệm giải trình.*

Abstract: *Transparency, openness, and accountability are fundamental principles of modern state governance. The article analyzes the concepts and content of these principles, evaluates their implementation within Vietnam's state administrative system, identifies existing limitations and their causes, and proposes solutions to enhance the effectiveness of transparency, openness, and accountability in the coming period.*

Keywords: *State administrative agencies; transparency and openness; accountability.*

Ngày nhận bài: 15/3/2026 Ngày biên tập: 11/4/2026 Ngày duyệt đăng: 19/4/2026

1. Đặt vấn đề

Trong những thập niên gần đây, "công khai", "minh bạch" và "trách nhiệm giải trình" đã trở thành các khái niệm trung tâm trong khoa học pháp lý, khoa học quản trị công hiện đại. Đây là những nguyên tắc nền tảng của quản trị tốt, góp phần tăng cường hiệu quả chính sách, xây dựng niềm tin xã hội, phòng ngừa tham nhũng và gắn với việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

Đảng và Nhà nước ta luôn xác định công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình là nội dung quan trọng trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN). Văn kiện Đại hội XIV của Đảng nhấn mạnh yêu cầu "xây dựng nền hành chính phục vụ Nhân dân, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch, hiệu quả" (Ban Chấp hành Trung ương, 2026, tr.261). Hiến pháp năm 2013 cũng khẳng định, quyền tiếp cận thông tin và quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân, đồng thời yêu cầu hoạt động của Nhà nước phải công khai, minh bạch. Tuy nhiên, trên thực tế việc thực hiện các nguyên tắc này ở một số cơ quan hành chính vẫn còn hình thức; trách nhiệm giải trình chưa rõ ràng, trong khi các vụ việc tham nhũng, lạm quyền trong lĩnh vực quản lý đất đai, tài chính, ngân sách vẫn xảy ra, ảnh hưởng đến niềm tin của người dân.

Trong bối cảnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế sâu rộng, việc nghiên cứu về công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hệ thống hành chính nhà nước Việt Nam có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng.

(*) TS. GVC; Viện Nhà nước và pháp luật, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

2. Khái niệm và nội hàm của công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình

2.1. Khái niệm và nội hàm của công khai

Trong pháp luật Việt Nam, quyền tiếp cận thông tin của công dân được ghi nhận tại Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, theo đó công dân "được tiếp cận thông tin của cơ quan nhà nước" (Điều 3). Đồng thời, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định cơ quan, tổ chức, đơn vị "có trách nhiệm công khai, minh bạch trong tổ chức và hoạt động" (Điều 10). Điều này cho thấy công khai là bước khởi đầu để xã hội có thể giám sát và đánh giá hoạt động của cơ quan hành chính.

Trong thực tiễn, công khai được thể hiện thông qua việc công bố các thông tin như dự toán và quyết toán ngân sách, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy trình và thủ tục hành chính, kết quả tuyển dụng hoặc bổ nhiệm cán bộ. Nhờ đó, công khai tạo điều kiện bảo đảm quyền được biết và quyền giám sát của người dân là yếu tố cốt lõi của dân chủ trong lĩnh vực hành chính nhà nước. Có thể hiểu, công khai là việc cơ quan hành chính nhà nước chính thức cung cấp và phổ biến các thông tin liên quan đến hoạt động quản lý, quyết định và chính sách cho công dân và các chủ thể liên quan.

2.2. Khái niệm và nội hàm của minh bạch

Theo Tổ chức Minh bạch quốc tế, minh bạch là trạng thái trong đó các quy trình, quyết định và thông tin về hoạt động của cơ quan công được mở ra để người dân có thể hiểu, giám sát và đánh giá (Transparency International, 2020).

Trong quản trị hành chính, minh bạch thể hiện ở việc xây dựng quy trình ra quyết định rõ ràng, công bố dữ liệu về tài chính công, ngân sách, đất đai, đấu thầu hoặc nhân sự, qua đó hạn chế cơ chế "xin - cho" và các quyết định tùy tiện. Ở mức độ cao hơn, minh bạch đòi hỏi quyết định hành chính phải có căn cứ pháp lý rõ ràng, có thể truy xuất nguồn gốc và chịu sự kiểm tra độc lập. Do đó, minh bạch không chỉ dừng ở việc công bố thông tin mà còn yêu cầu thông tin phải chính xác, dễ hiểu, kịp thời và có thể kiểm chứng.

2.3. Khái niệm và nội hàm của trách nhiệm giải trình

Trách nhiệm giải trình là cơ chế bảo đảm các chủ thể sử dụng quyền lực công có nghĩa vụ phải giải thích và chịu trách nhiệm về quyết định, hành vi của mình. Trong pháp luật Việt Nam, nghĩa vụ này được ghi nhận tại nhiều văn bản. Điều 18 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (sửa đổi, bổ sung 2025) quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân "có nghĩa vụ giải trình khi được yêu cầu về quyết định, hành vi trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ". Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) cũng xác định cán bộ, công chức phải chịu trách nhiệm về việc thi hành nhiệm vụ, công vụ (Điều 8). Nghị định số 90/2013/NĐ-CP quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao đã quy định rõ trách nhiệm giải trình là nghĩa vụ giải thích, làm rõ quyết định hoặc hành vi hành chính khi có yêu cầu của tổ chức, cá nhân có quyền và lợi ích liên quan. Những điểm này cũng được giải thích rõ hơn trong Chỉ thị số 53-CT/TW ngày 26/10/2025 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc thực hiện trách nhiệm giải trình của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động công vụ.

Trong thực tiễn, trách nhiệm giải trình được thực hiện thông qua các hình thức như báo cáo công tác định kỳ, trả lời chất vấn của đại biểu dân cử, tiếp nhận và phản hồi khiếu nại, tố cáo của công dân, hoặc thông qua các hoạt động thanh tra, kiểm toán và giám sát độc lập.

Có thể thấy, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình có mối quan hệ logic và hỗ trợ lẫn nhau. Công khai là điều kiện để xã hội có thông tin; minh bạch là bảo đảm chất lượng và độ tin cậy của thông tin; còn giải trình là cơ chế ràng buộc trách nhiệm của cơ quan, cán bộ công quyền đối với các quyết định và hành vi của mình. Thiếu công khai thì không thể minh bạch; thiếu minh bạch thì giải trình dễ trở thành hình thức; và thiếu giải trình thì công khai, minh bạch sẽ không có cơ chế thực thi. Sự kết hợp đồng bộ của ba nguyên tắc này tạo nền tảng cho một nền hành chính phục vụ, hướng tới người dân, hạn chế nguy cơ tham nhũng và nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia.

3. Thực trạng công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong các cơ quan hành chính nhà nước

3.1. Những kết quả đạt được

Về thực thi, Việt Nam đã đạt nhiều tiến bộ trong công khai thủ tục hành chính và phát

triển dịch vụ công trực tuyến. Theo số liệu cập nhật đầu năm 2024, Cổng Dịch vụ công quốc gia đã cung cấp khoảng 4.500 dịch vụ công trực tuyến, với hơn 12,17 triệu tài khoản người dùng; hơn 287 triệu hồ sơ được đồng bộ và gần 40 triệu hồ sơ được thực hiện trực tuyến, trong đó nhiều dịch vụ tiện ích được sử dụng rộng rãi (Tạp chí Tổ chức nhà nước, 2024). Tính đến ngày 22/12/2024, đã có 4.479 thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, gồm 2.678 thủ tục dành cho người dân và 2.434 thủ tục dành cho doanh nghiệp. Nhiều dịch vụ được sử dụng phổ biến như đăng ký cấp biển số xe lần đầu, đăng ký tạm trú, xác nhận thông tin cư trú, cấp hộ chiếu phổ thông trong nước và đăng ký thành lập hộ kinh doanh. Theo thống kê, đã có trên 393,10 triệu hồ sơ được đồng bộ trạng thái và hơn 60,55 triệu hồ sơ được thực hiện trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (Bộ Nội vụ, 2024). Những kết quả này cho thấy sự phát triển rõ rệt so với năm 2022, khi mới có hơn 4.200 thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến (Bộ Nội vụ, 2023), đồng thời khẳng định vai trò của Chính phủ điện tử và chiến lược chuyển đổi số trong thúc đẩy công khai, minh bạch hoạt động hành chính.

Bên cạnh đó, theo báo cáo của Văn phòng Chính phủ ngày 27/11/2024 về việc phát triển các hệ thống thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp và cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tại các bộ, ngành đạt 69,38% (1.158.760/1.670.220 hồ sơ), trong khi địa phương đạt 49,39% (1.133.105/2.301.204 hồ sơ). Tỷ lệ số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 71,56% tại các bộ, ngành (1.195.206/1.670.224 hồ sơ) và 60,28% tại địa phương (1.387.165/2.301.204 hồ sơ). Tỷ lệ cấp kết quả điện tử có giá trị pháp lý để tái sử dụng đạt 71,56% tại các bộ, ngành (1.275.745/1.670.224 kết quả) và 59,26% tại địa phương (1.363.693/2.301.204 kết quả).

Công tác công khai ngân sách nhà nước ở Việt Nam thời gian qua có nhiều chuyển biến tích cực. Theo báo cáo của Bộ Tài chính, 100% dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước đã được công khai trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (Bộ Tài chính, 2023). Trong năm 2024, Bộ Tài chính đã thực hiện 67.515 cuộc thanh tra, kiểm tra; kiểm tra 661.930 hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan và 1.060 hồ sơ kiểm tra sau thông quan; kiến nghị xử lý tài chính 109.146 tỷ đồng, trong đó kiến nghị thu hồi 18.224 tỷ đồng và xử lý tài chính khác 90.922 tỷ đồng; xử phạt vi phạm hành chính 3.464 tỷ đồng; số tiền đã thu nộp ngân sách nhà nước trong kỳ đạt 13.288 tỷ đồng (Văn phòng Chính phủ, 2024).

Về trách nhiệm giải trình, một số địa phương đã thí điểm cơ chế giải trình định kỳ của người đứng đầu cơ quan hành chính trước Hội đồng nhân dân và cử tri, tạo tiền lệ tích cực trong đổi mới quản trị công. Năm 2023, có 69% người dân cho biết chính quyền địa phương công khai danh sách hộ nghèo và kế hoạch sử dụng đất, tăng so với 54% năm 2018 (UNDP, 2023).

3.2. Những hạn chế, bất cập

Mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, song việc bảo đảm công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hệ thống hành chính Việt Nam vẫn còn những hạn chế và chưa đồng bộ.

Thứ nhất, khuôn khổ pháp lý còn phân tán và chưa có đạo luật riêng điều chỉnh đầy đủ, toàn diện về trách nhiệm giải trình trong khu vực công. Các quy định hiện hành trong Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Cán bộ, công chức hay Luật Tiếp cận thông tin chủ yếu dừng ở mức nguyên tắc, thiếu cơ chế chế tài rõ ràng đối với hành vi vi phạm nghĩa vụ công khai hoặc không thực hiện giải trình.

Thứ hai, tính thực chất của việc công khai thông tin còn hạn chế. Nhiều cơ quan thực hiện công khai theo hướng hình thức, thông tin chưa được cập nhật kịp thời hoặc khó tiếp cận đối với người dân. Kết quả khảo sát Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2023 do Chương trình phát triển Liên hợp quốc công bố cho thấy chỉ khoảng 45% người dân cho rằng họ "dễ dàng tiếp cận thông tin ngân sách xã, phường" và chỉ 28% từng được tham gia ý kiến vào kế hoạch sử dụng đất địa phương (UNDP, 2023). Điều này cho thấy minh bạch thông tin chưa đồng nghĩa với khả năng tiếp cận thực tế của người dân.

Thứ ba, văn hóa giải trình trong khu vực công còn yếu. Trong nhiều trường hợp, cán bộ, công chức vẫn có tâm lý e ngại giải trình, coi việc bị yêu cầu giải trình là dấu hiệu bị nghi ngờ hoặc phê bình. Báo cáo của Thanh tra Chính phủ cho thấy có tới 35% cơ quan hành chính chưa xây dựng quy chế giải trình

nội bộ, và chỉ 18% tổ chức có cơ chế đánh giá hiệu quả giải trình của người đứng đầu (Thanh tra Chính phủ, 2022).

Thứ tư, hạ tầng công nghệ thông tin và năng lực số giữa các bộ, ngành, địa phương chưa đồng đều. Đến năm 2024 mới có 32/63 tỉnh, thành phố đạt mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công, tức cho phép xử lý toàn bộ quy trình trực tuyến. Trong khi đó, hệ thống EMC ghi nhận 15 bộ, ngành và địa phương có tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình dưới 10%. Sự chênh lệch này làm giảm hiệu quả chung của cải cách hành chính và mức độ minh bạch giữa các địa phương.

3.3. Nguyên nhân của hạn chế

Về pháp lý và thể chế, hệ thống quy định liên quan đã từng bước được hoàn thiện nhưng vẫn thiếu tính đồng bộ và cơ chế chế tài đủ mạnh. Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 quy định nghĩa vụ công khai thông tin của cơ quan nhà nước nhưng chưa có hướng dẫn cụ thể về chế tài khi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ (Điều 37). Tương tự, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định nghĩa vụ giải trình của cán bộ, công chức (Điều 15) nhưng chưa thiết lập cơ chế bắt buộc giải trình định kỳ và công khai rộng rãi. Điều này khiến nhiều cơ quan chưa coi công khai và giải trình là nghĩa vụ pháp lý thường xuyên.

Về tổ chức bộ máy và quy trình hành chính, hệ thống hành chính vẫn còn cồng kềnh, phân cấp, phân quyền chưa thật sự rõ ràng, dẫn đến chồng chéo trách nhiệm và "vùng xám" trong thẩm quyền. Báo cáo của Bộ Nội vụ năm 2022 cho thấy trong một số lĩnh vực như đất đai, đầu tư, xây dựng vẫn tồn tại sự chồng chéo trong quy định và quy trình quản lý, gây khó khăn cho minh bạch hóa thủ tục và việc giải trình khi xảy ra sai phạm.

Về đội ngũ cán bộ, công chức, một bộ phận còn hạn chế về năng lực, đặc biệt trong ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện công khai thủ tục hành chính trên môi trường số. Bên cạnh đó, tâm lý e ngại trách nhiệm và lo ngại bị xử lý khi công khai thông tin hoặc bị chất vấn cũng làm giảm tính chủ động trong thực hiện giải trình.

Về văn hóa hành chính và cơ chế giám sát xã hội, nền hành chính vẫn chịu ảnh hưởng của mô hình quản lý mệnh lệnh, khiến công khai và giải trình chưa trở thành chuẩn mực trong hoạt động công vụ. Mặc dù Hiến pháp năm 2013 và Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015 quy định quyền giám sát của Nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội, nhưng cơ chế thực hiện còn hạn chế, nhiều ý kiến giám sát chưa được tiếp thu đầy đủ và thiếu tính ràng buộc pháp lý (Nguyễn Đăng Dung, 2018).

4. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hệ thống hành chính nhà nước

Một là, cần hoàn thiện khuôn khổ pháp lý đồng bộ về công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình. Cần nghiên cứu, xem xét để ban hành Luật Trách nhiệm giải trình của cơ quan hành chính nhà nước nhằm quy định rõ nghĩa vụ báo cáo, công khai thông tin, cơ chế giám sát và chế tài khi vi phạm. Đồng thời, cần chuẩn hóa các tiêu chí đánh giá mức độ công khai, minh bạch và giải trình của cơ quan hành chính, gắn với các chỉ số quản trị như PAPI, PAR INDEX và hệ thống đánh giá công chức hàng năm; rà soát các văn bản dưới luật về công khai ngân sách, tuyển dụng, bổ nhiệm để loại bỏ tình trạng hình thức và trùng lặp.

Hai là, tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy và quy trình hành chính theo hướng tinh gọn, phân cấp rõ ràng và xác định cụ thể trách nhiệm cá nhân. Theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 và Chỉ thị số 53-CT/TW ngày 26/10/2025 của Bộ Chính trị, cần tiếp tục đẩy mạnh phân cấp cho chính quyền địa phương gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả, hạn chế tình trạng "xin - cho" và chồng chéo thẩm quyền. Đồng thời, cần cải tiến quy trình ra quyết định hành chính theo mô hình "một cửa - một lần chạm", giảm các khâu trung gian và thiết lập cơ chế phản hồi bắt buộc từ người dân, doanh nghiệp đối với kết quả giải quyết thủ tục. Việc xác định rõ trách nhiệm cá nhân người đứng đầu trong từng quy trình quản lý là yếu tố quan trọng để thúc đẩy văn hóa giải trình.

Ba là, nâng cao năng lực, đạo đức và văn hóa giải trình của đội ngũ cán bộ, công chức. Công khai, minh bạch chỉ có thể thực hiện hiệu quả khi đội ngũ công chức có năng lực và liêm chính. Vì vậy, cần đưa nội dung công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng của Học viện Hành chính và Quản trị công và các cơ sở đào tạo, bồi

dưỡng cán bộ. Đồng thời, xây dựng bộ quy tắc ứng xử và chuẩn mực giải trình theo từng vị trí việc làm, giúp cán bộ nhận thức rõ giải trình không chỉ là nghĩa vụ pháp lý mà còn là chuẩn mực đạo đức công vụ. Tăng cường kiểm soát quyền lực và kỷ luật công vụ theo tinh thần Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị; gắn cơ chế khen thưởng, kỷ luật với kết quả thực hiện công khai, minh bạch và giải trình, đặc biệt đối với người đứng đầu.

Bốn là, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong công khai và giải trình. Chuyển đổi số là công cụ quan trọng để nâng cao tính minh bạch và khả năng giám sát. Theo Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021, Chính phủ hướng tới xây dựng nền hành chính số, không giấy tờ và minh bạch theo thời gian thực. Do đó, cần tiếp tục mở rộng Cổng Dịch vụ công quốc gia, tăng cường liên thông cơ sở dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương và phát triển các nền tảng dữ liệu mở (Open Data) để người dân và tổ chức dễ dàng tiếp cận, khai thác thông tin. Có thể nghiên cứu áp dụng mô hình giải trình trực tuyến, cho phép người đứng đầu cơ quan công bố báo cáo, trả lời chất vấn và tiếp nhận phản hồi qua nền tảng số. Kinh nghiệm của Hàn Quốc và Singapore cho thấy công nghệ số không chỉ giảm chi phí quản trị mà còn tăng khả năng giám sát của xã hội (OECD, 2019; Moon, 2021).

Năm là, tăng cường giám sát xã hội và vai trò của truyền thông. Cần nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và cơ quan báo chí; đồng thời khuyến khích các tổ chức xã hội và tổ chức nghiên cứu độc lập tham gia đánh giá chính sách công. Bên cạnh đó, cần bảo đảm quyền tiếp cận thông tin và bảo vệ người tố cáo theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Luật Tố cáo năm 2018, qua đó khuyến khích công dân tham gia kiểm soát quyền lực nhà nước./.

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Chấp hành Trung ương, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV,* tập I, Nxb CTQG-ST, H.2026, tr.261.

2. Transparency International, *Corruption perceptions index 2020: Transparency and accountability in public administration,* Berlin.

3. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, Nxb CTQG-ST.

4. Tạp chí Tổ chức nhà nước (2024), *Cổng Dịch vụ công quốc gia đã cung cấp 4,5 nghìn dịch vụ công trực tuyến,* https://tcnn.vn/news/detail/63521/Cong-Dich-vu-cong-quoc-gia-da-cung-cap-45-nghin-dich-vu-cong-truc-tuyen.html.

5. Bộ Nội vụ (2024), *Báo cáo số 8465/BC-BNV ngày 25/12/2024 về tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2024.*

6. Bộ Nội vụ (2023), *Báo cáo cải cách hành chính nhà nước năm 2022,* Nxb CTQG-ST.

7. Văn phòng Chính phủ (2024), *Báo cáo số 8967/BC-VPCP ngày 05/12/2024 về tình hình, kết quả cải cách thủ tục hành chính tháng 11/2024.*

8. Bộ Tài chính (2023), *Báo cáo công khai ngân sách nhà nước năm 2023.*

9. International Budget Partnership (IBP) (2023), *Open Budget Survey 2023: Vietnam country report,* Washington, DC.

10. Văn phòng Chính phủ (2024), *Báo cáo số 8967/BC-VPCP ngày 05/12/2024 về tình hình, kết quả cải cách thủ tục hành chính tháng 11/2024.*

11. United Nations Development Programme (UNDP) (2023), *Vietnam Provincial Governance and Public Administration Performance Index (PAPI) 2023,* United Nations Development Programme Vietnam.

12. United Nations Development Programme (UNDP) (2023), *Vietnam Provincial Governance and Public Administration Performance Index (PAPI) 2023,* United Nations Development Programme Vietnam.

13. Thanh tra Chính phủ (2022), *Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022.*

14. Vietnamnet (2024), *Công khai tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến toàn trình của các bộ, tỉnh.* https://vietnamnet.vn/cong-khai-ty-le-ho-so-dich-vu-cong-truc-tuyen-toan-trinh-cua-cac-bo-tinh-2364942.html.

15. United Nations Development Programme & Vietnam Fatherland Front (UNDP & VFF), (2023), *Báo cáo PAPI 2023: Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam.*

16. Nguyễn Đăng Dung (2018), *Nền hành chính phục vụ và trách nhiệm giải trình,* Nxb CTQG-ST.